

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **97/2024/HS-ST**

Ngày 04-4-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Bộ, ông Phạm Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Thu H**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02 tháng 3 năm 1996 tại tỉnh: Đắk Lắk;

Nơi đăng ký thường trú: Số X đường G, liên gia Y, tổ dân phố Z, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: Số X đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim Anh; bị cáo có chồng là Mai Văn H1 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2014.

Tiền án: không. Tiền sự: 01; Ngày 03/02/2021 bị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.500.000 đồng về hành vi Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản, tại quyết định số 37/QĐ-XPVPHC, bị cáo chưa được xóa tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2023 đến ngày 05/10/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Ngô Thị H2, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chị Mạc Thu H3, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Lê Hoàng D, sinh năm 2002 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Liên gia X, tổ dân phố Y, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

4. Chị Phan Thị Dạ T, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

5. Chị Nguyễn Thị Lan H4, sinh năm 2001 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 2X, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

6. Ông Phí Quang H5, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số X đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Thu H có ý định thực hiện hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính nên từ tháng 7/2021 đến tháng 9/2023, tại địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Trần Thị Thu H đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất từ 3.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày đến 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày cho mỗi khoản vay, tương đương với lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm, gấp từ 5,48 lần đến 9,13 lần lãi suất cao nhất theo quy định, nếu người vay đồng ý thì Trần Thị Thu H giao tiền trực tiếp hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của người vay rồi yêu cầu người vay viết giấy vay và thế chấp giấy tờ tùy thân. Trần Thị Thu H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu iphone 13 ProMax, có gắn 01 thẻ sim mạng Vinaphone, số thuê bao 0942474XXX để liên hệ giao dịch cho vay. Sau khi vay, người vay sẽ đến chỗ ở của Trần Thị Thu H tại địa chỉ số X đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để trả tiền gốc và tiền lãi hoặc chuyển khoản đến các số tài khoản Ngân hàng của Trần Thị Thu H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N, số tài khoản 123888XXX hoặc Ngân hàng Thương mại cổ phần NT, số tài khoản 0231000637XXX, đều mang tên chủ tài khoản Trần Thị Thu H.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay.....*”

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.’’

$$\text{Lãi suất năm} = \frac{\text{Số tiền lãi ngày} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Số tiền gốc vay}}$$

$$\text{Lãi suất vượt quá} = \frac{\text{Lãi suất năm}}{20\%}$$

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 9/2023, Trần Thị Thu H đã cho 02 người vay tiền lãi nặng, tương ứng 09 lượt vay, tổng số tiền gốc cho vay là 150.000.000 đồng, đã thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng số tiền 84.341.508 đồng, tiền gốc đã thu được từ những người vay là 135.000.000 đồng, tiền gốc những người vay còn nợ là 15.000.000 đồng. Cụ thể:

1. Người vay thứ nhất: Chị Ngô Thị H2 (sinh năm: 1995, địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk), vay 03 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 08/7/2021, vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Lãi suất tương ứng 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất theo quy định. Chị H2 đã trả hết tiền gốc và trả lãi 120 ngày với số tiền lãi 12.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật là 1.315.068 đồng. Trần Thị Thu H đã thu lợi bất chính số tiền 10.684.932 đồng.

- Lần 2: Ngày 02/3/2022, vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Lãi suất tương ứng 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất theo quy định. Chị H2 đã trả hết tiền gốc và trả lãi 270 ngày với số tiền lãi 27.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật là 2.958.904 đồng. Trần Thị Thu H đã thu lợi bất chính số tiền 24.041.096 đồng.

- Lần 3: Ngày 21/6/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Lãi suất tương ứng 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất theo quy định. Chị H2 đã trả hết tiền gốc và trả lãi 150 ngày với số tiền lãi 7.500.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật là 821.918 đồng. Trần Thị Thu H đã thu lợi bất chính số tiền 6.678.082 đồng.

Các khoản vay trên chị H2 đóng tiền lãi cho Trần Thị Thu H đến tháng 12/2022. Sau đó, cho đến cuối tháng 02/2023, do khó khăn về kinh tế nên chị H2 chưa đóng tiền lãi cho Trần Thị Thu H, nên chồng của chị H2 là anh Long Hồng H6 thay chị H2 trả hết 30.000.000 đồng tiền gốc của 02 khoản vay nêu trên và 14.000.000 đồng là tiền H2 mượn riêng không tính lãi. Đồng thời trả lãi 39 ngày với số tiền lãi là 3.510.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng 109,5%/năm, gấp 5,48 lần lãi suất cao nhất theo quy định. Lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật là 641.096 đồng. Trần Thị Thu H đã thu lợi bất chính số tiền 2.868.094 đồng.

Như vậy, Trần Thị Thu H đã cho chị Ngô Thị H2 vay tổng số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), thu lợi bất chính tổng số tiền là 44.273.014 đồng (*Bốn mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng*).

2. Người vay thứ hai: Chị Mạc Thu H3 (sinh năm: 1998, địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk), vay 06 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 14/7/2022, vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Lãi suất tương ứng 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất theo quy định. Chị H3 đã trả hết tiền gốc và trả lãi 30 ngày với số tiền lãi 3.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật là 328.767 đồng. Trần Thị Thu H đã thu lợi bất chính số tiền 2.671.233 đồng.

- Lần 2: Ngày 14/8/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng (trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc từ khoản vay ngày 14/7/2022 chị H3 chưa trả cho Trần Thị Thu H), lãi suất 5000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Lãi suất tương ứng 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất theo quy định. Chị H3 đã trả hết tiền gốc và trả lãi 120 ngày với số tiền lãi 6.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật là 657.534 đồng. Trần Thị Thu H đã thu lợi bất chính số tiền 5.342.466 đồng.

- Lần 3: Ngày 09/9/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Lãi suất tương ứng 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất theo quy định. Chị H3 đã trả hết tiền gốc và trả lãi 150 ngày với số tiền lãi 7.500.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật là 821.918 đồng. Trần Thị Thu H đã thu lợi bất chính số tiền 6.678.082 đồng.

- Lần 4: Ngày 09/02/2023, vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Lãi suất tương ứng 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất theo quy định. Chị H3 đã trả hết tiền gốc và trả lãi 60 ngày với số tiền lãi 9.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật là 986.301 đồng. Trần Thị Thu H đã thu lợi bất chính số tiền 8.013.699 đồng.

- Lần 5: Ngày 09/4/2023, vay số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Lãi suất tương ứng 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất theo quy định. Chị H3 đã trả 20.000.000 tiền gốc và trả lãi 60 ngày với số tiền lãi 10.500.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật là 1.150.685 đồng. Trần Thị Thu H đã thu lợi bất chính số tiền 9.349.315 đồng.

- Lần 6: Ngày 09/6/2023, Trần Thị Thu H và chị H3 thỏa thuận chuyển số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng của khoản vay ngày 09/4/2023 (lần 5) thành khoản vay 15.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Lãi suất tương ứng 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất theo quy định. Khoản vay này chị H3 đã trả lãi 120 ngày với số tiền lãi 9.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật là 986.301 đồng. Trần Thị Thu H đã thu lợi bất chính số tiền 8.013.699 đồng.

Như vậy, Trần Thị Thu H cho chị Mạc Thu H3 vay tổng số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thu lợi bất chính tổng số tiền là 40.068.494 đồng (Bốn mươi triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng).

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị Thu H tại địa chỉ số X đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 13 ProMax, số IMEI1: 353967814361XXX, có gắn 01 thẻ sim mạng Vinaphone, số thuê bao 0942474XXX, có số seri sim 89840200011197587XXX, điện thoại đã qua sử dụng.

- 03 Giấy vay/mượn tiền mang tên người vay/mượn Phan Thị Dạ T.
- 02 Giấy vay/mượn tiền mang tên người vay/mượn Ngô Thị H2.
- 02 Giấy mượn tiền mang tên người mượn Lê Hoàng D.
- 01 Giấy vay tiền mang tên người vay Nguyễn Thị Lan H4.
- 01 Giấy mượn tiền mang tên người mượn Mạc Thu H3.
- 01 Giấy phép lái xe mang tên Mạc Thu H3.
- 01 Giấy phép lái xe mang tên Ngô Thị H2.

Cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Trần Thị Thu H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Thu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo Trần Thị Thu H và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Thu H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu H từ 12 tháng đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Thị Thu H số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trả lại cho chị Ngô Thị H2 là chủ sở hữu hợp pháp: 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số 661164008XXX, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/7/2016, mang tên Ngô Thị H2; trả lại cho chị Mạc Thu H3 là chủ sở hữu hợp pháp: 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số 661182000XXX, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/01/2018, mang tên Mạc Thu H3.

Lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 02 Giấy vay/mượn tiền mang tên người vay/mượn Ngô Thị H2 và 01 Giấy mượn tiền mang tên người mượn Mạc Thu H3.

Tịch thu vào sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax, số IMEI: 353967814361XXX, có gắn 01 thẻ sim mạng Vinaphone, số thuê bao 0942474XXX, có số seri sim 89840200011197587XXX của bị cáo Trần Thị Thu H.

Truy thu của bị cáo Trần Thị Thu H số tiền 135.000.000 đồng là tiền gốc những người vay đã trả và số tiền 10.668.492 đồng là tiền lãi suất theo quy định của pháp luật (lãi suất 20%) mà bị cáo đã thu của những người vay tiền, tổng số tiền 145.668.492 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

Truy thu của chị Mạc Thu H3 số tiền 15.000.000 đồng là tiền gốc chị Mạc Thu H3 vay chưa trả cho bị cáo Trần Thị Thu H sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Thị Thu H trả lại cho những người vay tiền số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng, cụ thể như sau: Trả cho chị Ngô Thị H2 số tiền 44.273.014 đồng; trả cho chị Mạc Thu H3 số tiền 40.068.494 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Quá trình điều tra đều đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc xét

xử vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường các quy định về quản lý kinh tế và động cơ tư lợi cá nhân nên từ tháng 7/2021 đến tháng 9/2023, tại thành phố B, Trần Thị Thu H đã có hành vi cho 02 người vay tiền, tương ứng 09 lượt vay, tổng số tiền gốc cho vay là 150.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm, cao gấp từ 5,48 lần đến 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định. Thu lợi bất chính số tiền 84.341.508 đồng (*Tám mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi một nghìn năm trăm lẻ tám đồng*).

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền một cách nhanh chóng nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nhất là trong thời gian gần đây khi các tội phạm về hoạt động cho vay lãi nặng diễn biến hết sức phức tạp gây bất bình trong xã hội và ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Cụ thể bị cáo đã cho 02 người vay với lãi suất vượt quá từ gấp 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 84.341.508 đồng (*Tám mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi một nghìn năm trăm lẻ tám đồng*).

Hành vi của bị cáo Trần Thị Thu H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay....”.

Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án

tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Trần Thị Thu H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 03/02/2021 bị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.500.000 đồng về hành vi Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản, tại quyết định số 37/QĐ-XPVPHC.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy cần áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự để chính quyền địa phương và gia đình cùng phối hợp giám sát bị cáo.

Bị cáo không có công việc và mức thu nhập ổn định, nên cần miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Về hình phạt tiền bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tiền bổ sung tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với: Ông Phí Quang H5 là người cho bị cáo Trần Thị Thu H thuê căn nhà tại địa chỉ số X đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình điều tra xác định ông Phí Quang H5 không biết việc bị cáo sử dụng căn nhà làm địa điểm thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý đối với ông Phí Quang H5 và căn nhà nêu trên là phù hợp.

Trong vụ án này, bị cáo Trần Thị Thu H còn khai nhận cho chị Nguyễn Thị Lan H4, chị Phan Thị Dạ T và anh Lê Hoàng D vay tiền. Quá trình điều tra đến nay vẫn chưa làm việc được với chị H4, chị T và anh D để xác định nội dung khoản vay, cũng như việc trả tiền vay. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã tách ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[6] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số 661164008XXX, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/7/2016, mang tên Ngô Thị H2 và 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số 661182000XXX, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/01/2018, mang tên Mạc Thu H3, là giấy tờ thuộc sở hữu hợp pháp của chị H2 và chị H3, đã thế chấp trong quá trình vay tiền của bị cáo Trần Thị Thu H. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 02 Giấy phép lái xe trên cho chị H2 và chị H3 là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với: 02 Giấy vay/mượn tiền mang tên người vay/mượn Ngô Thị H2 và 01 Giấy mượn tiền mang tên người mượn Mạc Thu H3, là các tài liệu có liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng của bị cáo Trần Thị Thu H, là chứng cứ của vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

Đối với: 03 Giấy vay/mượn tiền mang tên người vay/mượn Phan Thị Dạ T, 02 Giấy mượn tiền mang tên người mượn Lê Hoàng D và 01 Giấy vay tiền mang tên người vay Nguyễn Thị Lan H4, là giấy vay/mượn mà người vay viết đưa cho bị cáo Trần Thị Thu H trong quá trình vay tiền, đến nay Cơ quan cảnh sát điều tra chưa làm việc được. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tách các tài liệu trên ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax, số IMEI1: 353967814361XXX, có gắn 01 thẻ sim mạng Vinaphone, số thuê bao 0942474XXX, có số seri sim 89840200011197587XXX của bị cáo Trần Thị Thu H, là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với: số tiền 135.000.000 đồng là tiền gốc những người vay đã trả cho bị cáo Trần Thị Thu H và số tiền 10.668.492 đồng là tiền lãi suất theo quy định của pháp luật (lãi suất 20%) mà bị cáo Trần Thị Thu H đã thu của những người vay tiền, nên cần truy thu của bị cáo Trần Thị Thu H tổng số tiền 145.668.492 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với: số tiền 15.000.000 đồng là tiền gốc chị Mạc Thu H3 vay chưa trả cho bị cáo Trần Thị Thu H, nên cần truy thu của chị Mạc Thu H3 số tiền 15.000.000 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền 84.341.508 đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng, bị cáo Trần Thị Thu H đã tiêu xài cá nhân hết nên cần buộc bị cáo Trần Thị Thu H trả lại cho những người vay tiền. Cụ thể như sau: Trả cho chị Ngô Thị H2 số tiền 44.273.014 đồng; trả cho chị Mạc Thu H3 số tiền 40.068.494 đồng.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[2] Về hình phạt: Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thu H **01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng Cải tạo không giam giữ**, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/9/2023 đến ngày 05/10/2023, 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trần Thị Thu H còn phải chấp hành 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng 09 (Chín) ngày Cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Trần Thị Thu H.

Giao bị cáo Trần Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Thị Thu H số tiền 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) sung vào Ngân sách Nhà nước.

[3] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trả lại cho chị Ngô Thị H2 là chủ sở hữu hợp pháp: 01 (Một) Giấy

phép lái xe hạng A1, số 661164008XXX, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/7/2016, mang tên Ngô Thị H2.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trả lại cho chị Mạc Thu H3 là chủ sở hữu hợp pháp: 01 (Một) Giấy phép lái xe hạng A1, số 661182000XXX, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/01/2018, mang tên Mạc Thu H3.

Lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 02 (Hai) Giấy vay/mượn tiền mang tên người vay/mượn Ngô Thị H2 và 01 (Một) Giấy mượn tiền mang tên người mượn Mạc Thu H3.

Tịch thu vào sung Ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax, số IMEI1: 353967814361XXX, có gắn 01 thẻ sim mạng Vinaphone, số thuê bao 0942474XXX, có số seri sim 89840200011197587XXX của bị cáo Trần Thị Thu H.

Truy thu của bị cáo Trần Thị Thu H số tiền 145.668.492 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng) sung vào Ngân sách Nhà nước.

Truy thu của chị Mạc Thu H3 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Thị Thu H trả lại cho những người vay tiền số tiền cụ thể như sau: Trả cho chị Ngô Thị H2 số tiền 44.273.014 đồng (Bốn mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng); trả cho chị Mạc Thu H3 số tiền 40.068.494 đồng (Bốn mươi triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng).

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/3/2024 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Thị Thu H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường T, thành phố B;
tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My